TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST Ngày: 03-3-2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng,

Ông Ngô Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 967/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn K sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh Trần Văn K kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, được Ủy ban nhân dân xã An Lư, huyện Thủy Nguyên cấp Giấy đăng kí kết hôn số 170 ngày 11/12/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, xảy ra bạo lực gia đình. Do tình cảm không còn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh K.

Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn K có hai con Trần Bảo L sinh năm 2011 và Trần Bảo Kh sinh năm 2015. Khi ly hôn chị N để cho anh K trực tiếp nuôi hai con, tự giải quyết với nhau về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

Lời khai trong quá trình xét xử bị đơn Trần Văn K trình bày: Thừa nhận tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn nên đồng ý ly hôn. Thống nhất với trình bày của chị N về con chung, khi ly hôn anh nhận trách nhiệm nuôi hai con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Ông Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình ; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh K; công nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung, giao con Trần Bảo L và Trần Bảo Kh cho anh K nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Chị N đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Văn K là hợp pháp, việc các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện đã thỏa mãn căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và Gia đình nên công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh K.

[3] Về con chung: Thỏa thuận về nuôi con Trần Bảo L và Trần Bảo Kh giữa chị N và anh K là tự nguyện, bảo đảm được lợi ích toàn diện và phù hợp với nguyện vọng của cháu L được quy định tại Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh K không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh K không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Văn K.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận, giao con Trần Bảo L sinh ngày 07 tháng 11 năm 2011 và Trần Bảo Kh sinh ngày 19 tháng 04 năm 2015 cho anh Trần Văn K trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh K không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung: Chị N và anh K không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng biên lai số 0003312 ngày 25 tháng 12 năm 2019. Chị Phạm Thị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã An Lư, h. Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng